



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

Mục lục

Thông tin chung	1-2
Bảng cân đối kế toán	3-4
Báo cáo kết quả kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6-7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-34



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm trung ương 1 theo quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 3339/UBCK-GSĐC ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 12 tháng 6 năm 2018 với mã chứng khoán DP1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 06 tháng 05 năm 2022

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên	
Bà Trần Thị Kim Khánh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 11/04/2024
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/04/2024
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/04/2024
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2024

BAN KIỂM SOÁT

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động – không sử dụng Ban kiểm soát, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày thay đổi mô hình như sau:

Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 11/04/2024
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/04/2024
Bà Hà Lan Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/04/2024

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Kim Khánh	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 12/06/2024
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên UBKT	Bổ nhiệm ngày 12/06/2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Công Việt Hải	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/12/2024
Ông Tạ Văn Dũng	Quyền Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/12/2024
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng giám đốc	
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2024
Ông Nguyễn Huy Thanh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Chủ tịch HĐQT. Ông Tạ Văn Dũng – Q. Tổng Giám đốc được bà Hàn Thị Khánh Vinh ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 1989/GUQ-CPC1 ngày 27 tháng 12 năm 2024.

53
TY
AN
HA
01
1
- TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.113.195.074.435	979.378.640.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.507.536.737	27.898.593.898
1. Tiền	111		9.507.536.737	27.898.593.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		496.951.385.423	603.349.512.987
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	486.370.464.967	547.198.955.438
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	11.374.582.149	56.390.085.979
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.376.495.796	2.615.433.786
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.1	(3.170.157.489)	(2.854.962.216)
IV. Hàng tồn kho	140	7	585.768.507.838	335.797.786.113
1. Hàng tồn kho	141		608.847.571.925	378.956.598.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(23.079.064.087)	(43.158.812.699)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.967.644.437	12.332.747.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.840.213.756	2.174.781.711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.898.395.710	10.019.437.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	13	229.034.971	138.528.103
B – Tài sản dài hạn	200		149.931.233.466	155.362.414.241
II. Tài sản cố định	220		88.386.399.387	93.835.244.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	60.521.166.587	65.970.011.959
- Nguyên giá	222		214.315.145.753	210.706.863.988
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(153.793.979.166)	(144.736.852.029)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	27.865.232.800	27.865.232.800
- Nguyên giá	228		30.571.666.000	30.571.666.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		362.866.667	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		362.866.667	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn khác	250	10	31.632.167.739	31.451.046.339
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.511.198.461	32.511.198.461
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(879.030.722)	(1.060.152.122)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.549.799.673	30.076.123.143
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	24.933.986.855	26.196.957.190
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.615.812.818	3.879.165.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.263.126.307.901	1.134.741.055.032

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-DN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		838.682.752.218	783.246.454.083
I. Nợ ngắn hạn	310		838.682.752.218	783.246.454.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	448.902.657.067	408.477.686.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.027.396.968	670.090.316
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	5.234.709.474	9.722.338.021
1. Phải trả người lao động	314		11.025.618.927	10.573.663.880
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	4.756.864.586	3.211.318.830
3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.539.221.331	
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	18.872.364.887	14.932.361.693
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	336.243.879.456	334.986.943.470
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.080.039.522	672.051.279
D – VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	424.443.555.683	351.494.600.949
I. Vốn chủ sở hữu	410		424.443.555.683	351.494.600.949
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.790.000.000	209.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	41111		209.790.000.000	209.790.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.444.991.780	2.444.991.780
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.208.563.903	139.259.609.169
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		98.015.922.244	25.320.830.327
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		114.192.641.659	113.938.778.842
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.263.126.307.901	1.134.741.055.032

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Q. Tổng Giám đốc






Ninh Thị Thu Hiền

Đặng Thị Dư

Tạ Văn Dũng

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2024		Lũy kế từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	01	20.1	526.981.183.844	623.535.704.847	2.025.737.354.729	2.158.359.154.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		526.981.183.844	623.535.704.847	2.025.737.354.729	2.158.359.154.152
4. Giá vốn hàng bán	11	21	438.339.373.513	531.437.641.732	1.694.313.230.937	1.805.186.497.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		88.641.810.331	92.098.063.115	331.424.123.792	353.172.656.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20.2	6.756.135.020	4.550.889.365	22.834.257.480	16.601.376.462
7. Chi phí tài chính	22	22	13.781.611.756	17.508.476.314	41.445.372.703	57.544.904.394
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.465.309.473	4.035.179.100	12.425.558.101	17.779.579.670
8. Chi phí bán hàng	25	23	33.579.616.514	32.415.566.418	130.388.790.751	130.825.196.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.222.614.350	5.128.812.037	42.377.163.804	36.385.272.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		37.814.102.731	41.596.097.711	140.047.054.014	145.018.658.994
11. Thu nhập khác	31	25	280.000.000	-	29.660.127.959	374.395.646
12. Chi phí khác	32		925.346.079	327.038.145	965.627.725	327.038.145
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(645.346.079)	(327.038.145)	28.694.500.234	47.357.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.168.756.652	41.269.059.566	168.741.554.248	145.066.016.495
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	9.961.256.962	12.521.249.120	31.886.546.636	33.006.403.606
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.293.055.318	(3.879.165.953)	3.879.165.953	(3.879.165.953)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		25.914.444.372	32.626.976.399	132.975.841.659	115.938.778.842
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		3.118	2.667	5.657	4.733

Người lập biểu



Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đặng Thị Dự

Hà Nội ngày 20 tháng 01 năm 2025

Q. Tổng Giám đốc



Tạ Văn Dũng

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Kỳ này)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Kỳ trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		168.741.554.248	145.066.016.495
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ/phân bổ chi phí trả trước	2		8.429.960.681	7.721.462.641
- Các khoản dự phòng	3		(19.945.674.739)	28.751.697.545
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		2.583.048.202	9.738.570.900
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(4.219.666.260)	(2.787.857.747)
- Chi phí lãi vay	6		12.425.558.101	17.779.579.670
- Điều chỉnh khác	7		4.877.629.901	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		172.892.410.134	206.269.469.504
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		97.113.467.692	(7.331.240.348)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(229.890.973.113)	3.079.157.557
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		31.729.055.536	(173.202.423.536)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		576.292.022	(351.316.330)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.386.699.845)	(17.824.581.925)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(35.794.314.211)	(27.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.244.828.583)	(5.350.490.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.994.409.632	(21.711.425.725)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(652.960.148)	(3.690.192.300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	365.637.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.219.666.260	2.422.220.747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.566.706.112	(902.334.553)

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Kỳ này)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Kỳ trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		764.862.949.330	763.316.612.738
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(763.606.013.344)	(710.174.041.214)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.218.956.200)	(31.440.531.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.962.020.214)	21.702.040.524
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(18.400.904.470)	(911.719.754)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.898.593.898	28.789.581.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.847.309	20.731.879
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+61+61)	70		9.507.536.737	27.898.593.898

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Q. Tổng Giám đốc

Ninh Thị Thu Hiền

Đặng Thị Dư

Tạ Văn Dũng



Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ báo cáo kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 3339/UBCK-GSĐC ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 12 tháng 6 năm 2018 với mã chứng khoán DP1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 16 tháng 05 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 294 nhân viên (ngày 01 tháng 01 năm 2024: 308 nhân viên).

Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Văn phòng Công ty, 1 cơ sở bán buôn và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (“đơn vị trực thuộc”). Chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Cơ sở bán buôn số 1	Quầy 438, tầng 4, TTPP Dược phẩm và Trang thiết bị Hapulico, tòa nhà 24T1, đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, khu Dân cư, số 2, đường Phần Lãng, phường An Khê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, đường Lenin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ,... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được căn trừ vào chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa cuối kỳ với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm
Bản quyền, phần mềm máy tính	5 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và được nghiệm thu, xác nhận bởi khách hàng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các Kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

108.
NG T
PH
C PE
IG U
PC
UÂN

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	216.787.578	1.001.846.774
Tiền gửi ngân hàng	9.290.749.159	26.896.747.124
Tiền đang chuyển	-	-
TỔNG CỘNG	9.507.536.737	27.898.593.898

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2024	01/01/2024
a. Các bên liên quan		
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 – Hà nội	-	91.615.140
Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	-	84.065.580
b. Bên thứ ba		
Bệnh viện Bạch Mai	22.405.230.000	21.867.454.773
Bệnh viện Tim Hà nội	12.467.758.000	23.994.227.780
Bệnh viện Chợ Rẫy	17.636.010.700	15.833.350.000
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	8.115.698.870	7.237.204.501
Bệnh viện Quân y 175	19.841.211.150	15.020.331.096
Trung tâm Giám định bảo hiểm Y tế và Thanh toán đa tuyến	15.486.710.254	15.578.277.232
c. Phải thu khách hàng khác	390.417.845.993	447.492.429.336
TỔNG CỘNG	486.370.464.967	547.198.955.438

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

(3.170.157.489)

(2.854.962.216)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.854.962.216	5.742.680.367
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	6.980.000.454	10.793.483.326
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.613.313.181)	(13.681.201.477)
Giảm khác trong kỳ	(51.492.000)	-
Số cuối kỳ	3.170.157.489	2.854.962.216

Chi tiết theo khách hàng nợ xấu:

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bệnh viện 30-04	1.180.366.679	354.110.004	1.180.366.679	590.183.340
Trung tâm y tế huyện Yên Thủy	531.708.500	265.854.250	-	-
Khách hàng khác	5.737.278.820	3.659.232.256	4.096.894.061	1.832.115.184
TỔNG CỘNG	7.449.353.999	4.279.196.510	5.277.260.740	2.422.298.524

Công Ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024	01/01/2024
Panpharma GmbH	-	24.544.063.311
Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	5.890.000.000	16.078.346.257
Trả trước cho người bán khác	5.484.582.149	15.767.676.411
TỔNG CỘNG	11.374.582.149	56.390.085.979

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024	01/01/2024
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác (*)	-	32.098.217
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	1.714.502.720	191.580.439
Tạm ứng	-	-
Ký quỹ, ký cược	27.000.000	2.044.281.652
Phải thu ngắn hạn khác	634.993.076	347.473.478
TỔNG CỘNG	2.376.495.796	2.615.433.786

(*) Đây là các khoản phải thu từ các bên giao ủy thác nhập khẩu liên quan đến giá trị các lô hàng nhập khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng ủy thác đã hoàn thành trong kỳ nhưng chưa được bên giao ủy thác hoàn trả.

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	82.266.113.455	-	30.783.737.714	-
Hàng hóa	526.581.458.470	(23.079.064.087)	348.172.861.098	(43.158.812.699)
TỔNG CỘNG	608.847.571.925	(23.079.064.087)	378.956.598.812	(43.158.812.699)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	43.158.812.699	17.701.453.246
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	6.465.276.588	31.619.280.656
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(26.545.025.200)	(6.161.921.203)
Số cuối kỳ	23.079.064.087	43.158.812.699

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư 01/01/2024	151.944.878.712	32.897.522.588	22.531.805.590	3.332.657.098	-	210.706.863.988
- Mua trong kỳ	-	34.681.818	527.369.239	90.909.091	-	652.960.148
- Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	2.955.321.617	2.955.321.617
Số dư 31/12/2024	151.944.878.712	32.932.204.406	23.059.174.829	3.423.566.189	2.955.321.617	214.315.145.753
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	79.649.290.922	24.977.919.042	11.727.147.167	3.032.176.189	-	119.386.533.320
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư 01/01/2024	98.527.343.978	28.044.399.654	15.157.805.916	3.007.302.481	-	144.736.852.029
- Khấu hao trong kỳ	3.514.905.812	1.397.572.953	1.624.482.983	270.837.270	600.915.395	7.408.714.413
- Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	1.648.412.724	1.648.412.724
Số dư 31/12/2024	102.042.249.790	29.441.972.607	16.782.288.899	3.278.139.751	2.249.328.119	153.793.979.166
Giá trị còn lại:						
Số dư 01/01/2024	53.417.534.734	4.853.122.934	7.373.999.674	325.354.617	-	65.970.011.959
Số dư 31/12/2024	49.902.628.922	3.490.231.799	6.276.885.930	145.426.438	705.993.498	60.521.166.587

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

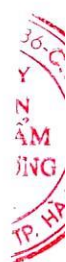
Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư 01/01/2024	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
Số dư 31/12/2024	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
Trong đó: Đã hao mòn hết	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư 01/01/2024	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
Số dư 31/12/2024	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư 01/01/2024	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>
Số dư 31/12/2024	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024					01/01/2024				
	Tỷ lệ góp vốn	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ góp vốn	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác										
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	16,43%	2.666.666	27.776.985.675	-	365.333.242.000	16,43%	2.666.666	27.776.985.675	-	362.399.909.400
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	0,26%	67.082	2.790.867.722	(879.030.722)	1.911.837.000	0,26%	67.082	2.790.867.722	(1.060.152.122)	1.730.715.600
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	1,00%	99.825	971.029.662	-	1.996.500.000	1,00%	99.825	971.029.662	-	1.697.025.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm	0,16%	46.816	300.659.375	-	-	0,06%	17.600	300.659.375	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	0,10%	21.600	472.871.724	-	799.200.000	0,10%	18.000	472.871.724	-	702.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	0,36%	18.000	197.784.303	-	-	0,36%	18.000	197.784.303	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	0,00%	10	1.000.000	-	-	0,00%	10	1.000.000	-	-
TỔNG CỘNG			32.511.198.461	(879.030.722)	-			32.511.198.461	(1.060.152.122)	-



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Chi phí bản quyền phần mềm	1.540.164.049	1.608.721.989
Chi phí sửa chữa	84.216.774	-
Chi phí bảo hiểm	169.832.933	167.648.444
Chi phí thuê văn phòng	46.000.000	50.400.000
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	-	348.011.278
TỔNG CỘNG	1.840.213.756	2.174.781.711
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	24.933.986.856	25.955.233.124
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	-	241.724.066
TỔNG CỘNG	24.933.986.856	26.196.957.190

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Công ty liên quan				
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà nội	13.965.000	13.965.000	-	-
Chi nhánh Công ty cổ phần dược Danapha tại thành phố Hà Nội	2.512.937	2.512.937	64.667.151	64.667.151
Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	6.678.228.735	6.678.228.735	103.175.880	103.175.880
b. Bên thứ ba				
- Hyphen Pharma Pte.Ltd	142.810.055.819	142.810.055.819	106.912.001.978	106.912.001.978
- Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	31.825.203.192	31.825.203.192	31.824.196.277	31.824.196.277
- Ever Neuro Pharma GMBH	46.538.293.475	46.538.293.475	19.605.529.845	19.605.529.845
- Công ty Cổ phần 4-Life Việt Nam	17.346.371.011	17.346.371.011	13.960.105.154	13.960.105.154
- Các nhà cung cấp khác	203.701.991.898	203.701.991.898	236.008.010.309	236.008.010.309
TỔNG CỘNG	448.902.657.067	448.902.657.067	408.477.686.594	408.477.686.594

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024				31/12/2024		
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải trả
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	138.528.103	619.208.403	122.955.146.489	(119.737.947.780)	(3.747.993.828)	138.528.103	88.413.284
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	60.992.061.899	-	(60.992.061.899)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.303.361.295	-	(1.303.361.295)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.390.827.944	31.886.546.636	-	(35.794.314.211)	-	4.483.060.369
Thuế thu nhập cá nhân	-	546.140.758	4.006.895.395	-	(4.643.543.021)	90.506.868	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	5.931.149.188	-	(5.931.149.188)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	202.520.162	-	(202.520.162)	-	-
Phí, lệ phí	-	166.160.916	665.793.320	-	(168.718.415)	-	663.235.821
TỔNG CỘNG	138.528.103	9.722.338.021	227.943.474.384	(119.737.947.780)	(112.783.662.019)	229.034.971	5.234.709.474



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2024	01/01/2024
Lãi vay tạm tính	277.114.586	238.256.330
Trích trước chi phí thường	4.479.750.000	2.973.062.500
Tríc trước chi phí khác	-	-
TỔNG CỘNG	<u>4.756.864.586</u>	<u>3.211.318.830</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	38.097.840	36.770.260
Phải trả hàng ủy thác	5.202.384.677	11.710.713.917
Cổ tức phải trả	11.203.553.800	170.810.000
Các khoản phải trả khác	2.428.328.570	3.014.067.516
TỔNG CỘNG	<u>18.872.364.887</u>	<u>14.932.361.693</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

16. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	317.875.943.470	317.875.943.470	762.282.949.330	(754.856.013.344)	325.302.879.456	325.302.879.456
Vay cá nhân	17.111.000.000	17.111.000.000	2.580.000.000	(8.750.000.000)	10.941.000.000	10.941.000.000
TỔNG CỘNG	334.986.943.470	334.986.943.470	764.862.949.330	(763.606.013.344)	336.243.879.456	336.243.879.456

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thăng Long	6.430.694.549	71.538.952.701	3,8% - 6,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	6.790.626.358	14.680.202.975	4,4% - 5,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	54.191.834.098	2,8% - 5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Sở giao dịch	23.372.900.701	22.053.327.524	3,3% - 4,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	-	8.394.723.076	5,0%	Tín chấp
NH TMCP Hàng Hải VN – Sở giao dịch	79.721.783.503	32.351.113.208	3,3% - 5,1%	Tín chấp
NH TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa	31.958.562.085	-	4,0%-4,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	69.806.568.705	34.588.093.913	4,6% - 5,0%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh SGD2	-	45.064.163.252	3,5% - 5,2%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	85.018.347.292	19.559.455.839	4,5% - 5,0%	Tín chấp
NH NN và PT Nông thôn CN Tân Bình	22.203.396.263	15.454.076.884	4,2% - 5,5%	Tín chấp
Vay cá nhân	10.941.000.000	17.111.000.000	5,0%	
TỔNG CỘNG	336.243.879.456	334.986.943.470		



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

17. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số đầu kỳ	672.051.279	1.704.436.279
Trích lập trong kỳ	16.652.816.826	4.318.105.647
Sử dụng trong kỳ	(10.244.828.583)	(5.350.490.647)
Số cuối kỳ	7.080.039.522	672.051.279

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2023	209.790.000.000	2.444.991.780	59.107.435.977	271.342.427.757
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	115.938.778.842	115.938.778.842
- Chia cổ tức	-	-	(31.468.500.000)	(31.468.500.000)
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	-	-	(314.666.667)	(314.666.667)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2022	-	-	(2.003.438.980)	(2.003.438.980)
- Tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi 2023	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>139.259.609.169</u>	<u>351.494.600.949</u>
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024	209.790.000.000	2.444.991.780	139.259.609.169	351.494.600.949
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	132.975.841.659	132.975.841.659
- Chia cổ tức (*)	-	-	(31.468.500.000)	(31.468.500.000)
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (*)	-	-	(392.000.000)	(392.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	(14.260.816.826)	(14.260.816.826)
- Tạm phân bổ quỹ KTPL năm 2024	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Tạm phân bổ cổ tức lần 1 năm 2024	-	-	(16.783.200.000)	(16.783.200.000)
- Biến động khác	-	-	4.877.629.901	4.877.629.901
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>212.208.563.903</u>	<u>424.443.555.683</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 (Cổ phiếu)			01/01/2024 (Cổ phiếu)		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Ông Lê Nam	13.721.550	13.721.550	65,406%	13.721.550	13.721.550	65,406%
Thắng	1.689.000	1.689.000	8,051%	1.700.000	1.700.000	8,103%
Bà Lê Thị Kim Ánh	1.518.800	1.518.800	7,240%	1.518.800	1.518.800	7,240%
Ông Nguyễn Doãn Liêm	1.210.940	1.210.940	5,772%	1.210.940	1.210.940	5,772%
Cổ đông khác	2.838.710	2.838.710	13,531%	2.827.710	2.827.710	13,479%
TỔNG CỘNG	20.979.000	20.979.000	100%	20.979.000	20.979.000	100%

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>209.790.000.000</u>	<u>209.790.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận công bố/đã chia	48.251.700.000	31.468.500.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

19.1 Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2024	01/01/2024
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	20.606.125.993	1.533.462.787

19.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
USD	11.856	14.044
EUR	279	14.938

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	2.025.737.354.729	2.158.359.154.152
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.008.597.580.096	2.139.217.757.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.139.774.633	19.141.396.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
DOANH THU THUẦN	<u>2.025.737.354.729</u>	<u>2.158.359.154.152</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	21.285.460	33.095.447
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.198.380.800	2.389.125.300
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.511.058.629	14.179.155.715
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	103.532.591	-
TỔNG CỘNG	<u>22.834.257.480</u>	<u>16.601.376.462</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	1.714.392.979.549	1.779.729.138.430
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.079.748.612)	25.457.359.453
TỔNG CỘNG	<u>1.694.313.230.937</u>	<u>1.805.186.497.883</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	12.425.558.101	17.779.579.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.617.887.800	28.229.554.858
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.583.048.202	11.515.634.826
Chi phí tài chính khác	(181.121.400)	20.135.040
TỔNG CỘNG	<u>41.445.372.703</u>	<u>57.544.904.394</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	57.832.362.332	55.912.089.267
Chi phí vật liệu, bao bì	5.959.544.980	7.797.325.932
Chi phí công cụ dụng cụ	1.048.867.625	1.618.275.953
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.401.374.447	6.520.268.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.000.153.911	29.646.635.880
Chi phí bán hàng khác	31.146.487.456	29.330.601.208
TỔNG CỘNG	<u>130.388.790.751</u>	<u>130.825.196.865</u>

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân công	12.434.940.525	11.944.200.075
Chi phí thuê đất	6.856.797.543	5.583.120.976
Chi phí công cụ dụng cụ	464.459.405	322.694.541
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.869.166	179.947.748
Chi phí trích lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	366.687.273	(2.887.718.151)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.553.200.636	6.687.145.783
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.693.209.256	14.555.881.506
TỔNG CỘNG	<u>42.377.163.804</u>	<u>36.385.272.478</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Chi phí mua hàng hóa để bán	1.714.392.979.549	1.779.729.138.430
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(19.713.061.339)	22.569.641.302
Chi phí nhân công	70.267.302.857	67.856.289.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.429.960.681	7.721.462.641
Chi phí công cụ dụng cụ	1.513.327.030	1.940.970.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.553.354.547	36.333.781.663
Chi phí khác	59.635.322.167	56.245.683.354
Tổng cộng	<u>1.867.079.185.492</u>	<u>1.972.396.967.226</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

25. THU NHẬP KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Bồi thường hàng hóa	29.284.171.524	-
Thu nhập khác	375.956.435	-
Tổng cộng	29.660.127.959	-

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế

26.1 Chi phí thuế TNDN

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	29.526.276.810	32.572.359.219
Điều chỉnh thuế của năm trước	2.360.269.826	434.044.386
Thuế TNDN hoãn lại	<u>3.879.165.953</u>	<u>(3.879.165.953)</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Đơn vị tính: VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>168.741.554.248</u>	<u>145.066.016.495</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	33.748.310.850	29.013.203.299
Các khoản điều chỉnh tăng	1.930.296.339	4.036.980.980
Trong đó: Thù lao HĐQT + BKS	278.909.092	288.000.000
Dự phòng GGHTK	6.465.276.588	19.395.829.763
Chi phí thuế GTGT hạch toán phí	384.643.799	174.036.994
Doanh thu điều chỉnh theo BB KTNN	1.557.024.489	-
Chi phí khác	965.627.725	327.038.145
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.152.330.379)	(477.825.060)
Trong đó: Cổ tức được nhận	(4.198.380.800)	(2.389.125.300)
Hoàn nhập dự phòng GGHTK	(25.861.106.351)	-
Giá vốn điều chỉnh theo BB KTNN	(702.164.745)	-
Điều chỉnh thuế của năm trước	2.360.269.826	434.044.386
Chi phí thuế TNDN	31.886.546.636	33.006.403.606
Thuế TNDN hoãn lại	<u>3.879.165.953</u>	<u>(3.879.165.953)</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

26.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng hàng tồn kho	4.615.812.818	3.879.165.953	(3.879.165.953)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này			(3.879.165.953)	-

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách người có liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị số 1083/CPC1-HĐQT đã được công bố thông tin đại chúng ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty có chung thành viên HĐQT

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	20.582.325.000	20.582.325.000
		Dịch vụ bảo quản hàng phòng chống Covid	22.305.700	218.534.795
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty có chung thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	2.523.614.370	2.621.111.152
		Mua hàng hoá và dịch vụ	13.300.000	-
		Cổ tức đã nhận	3.999.999.000	2.133.332.800
Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty có chung thành viên HĐQT	Bán hàng hoá và dịch vụ	110.751.500	217.935.800
		Mua hàng hoá và dịch vụ	8.588.567.758	98.262.743
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Danapha tại thành phố Hà nội	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Bán hàng hoá và dịch vụ	-	-
		Mua hàng hoá và dịch vụ	-	93.622.842
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Bán hàng hoá và dịch vụ	-	-
		Mua hàng hoá và dịch vụ	3.033.988.980	437.932.286
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Y Tế Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Bán hàng hoá và dịch vụ	122.028.137	-
		Mua hàng hoá và dịch vụ	-	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT	183.272.727	84.000.000
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT	82.909.091	60.000.000
Bà Trần Thị Kim Khánh	Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 11/04/2024)	114.545.455	-
Ông Tạ Văn Dũng	Q.Tổng giám đốc (từ ngày 13/12/2024)	-	-
Ông Công Việt Hải	Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 13/12/2024)	848.906.360	753.476.245
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc	654.192.605	567.429.819
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên HĐQT (từ ngày 11/04/2024) Phó Tổng giám đốc (từ ngày 01/05/2024)	410.558.558	-
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	21.818.182	60.000.000
Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc (từ ngày 01/06/2024)	371.573.259	60.000.000
Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	21.818.182	60.000.000
Ban kiểm soát	Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	206.102.275	501.249.996
		-	-
TỔNG CỘNG		2.915.696.694	2.146.156.060

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang đi thuê đất và tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>
Đến 1 năm	5.489.762.524	4.793.838.472
Từ 1 – 5 năm	26.736.020.430	23.467.217.700
Trên 5 năm	70.933.549.031	67.117.183.710
TỔNG CỘNG	<u>103.159.331.985</u>	<u>95.378.239.882</u>

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Trình bày lại)</i>	<i>Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	132.975.841.659	115.938.778.842
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong kỳ	<u>(14.306.376.249)</u>	<u>(16.652.816.826)</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>118.669.465.410</u>	<u>99.285.962.016</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	5.657	4.733
- <i>Lãi suy giảm</i>	5.657	4.733



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 0181 Fax: (84-4) 3864 1366

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm tài chính 2023 căn cứ theo Nghị quyết số 21/NQĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và được phân bổ cho kỳ tài chính năm tương ứng theo tỷ trọng lợi nhuận sau thuế cả năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh giảm phần tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 21/NQĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu

Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đặng Thị Dư

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025
Q. Tổng Giám đốc



Tạ Văn Dũng



